TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2017
V/v: Ly hôn giữa chị Th và anh L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện
2. Ông Nguyễn Văn Kiệt

Thư ký phiên toà: Bà Danh Phạm Ngọc Khánh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2017QĐXX-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp Ph, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Th có đơn xin vắng mặt tại phiên toà)

2. Bị đơn: Anh Thạch L, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Ph, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-9-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 1995 chị Th và anh Thạch L quen biết rồi tự nguyện về chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hoà giải được nên chị Th và anh L đã sống ly thân khoảng 06 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị Th và anh L có 04 người con chung gồm: Thạch Tr, sinh năm 1996; Thạch Th, sinh ngày 03-9-1999; Thạch V, sinh ngày 26-01-2003 và Thạch T, sinh ngày 12-10-2004. Chị Th đồng ý giao con chung tên Thạch V và

Thạch T cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với Thạch Tr và Thạch Th nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Th xác nhận vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Thạch L trình bày tại Toà án:

Anh L thống nhất với lời trình bày của chị Th về hôn nhân cũng như mâu thuẫn vợ chồng, về thời gian sống ly thân, về con chung, về tài sản chung tự thoả thuận và nợ chung không có là đúng.

Tại phiên toà anh L đồng ý ly hôn với chị Th và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Thạch V, sinh ngày 26-01-2003 và Thạch T, sinh ngày 12-10-2004. Anh L không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Còn đối với con chung tên Thạch Tr, sinh năm 1996 và Thạch Th, sinh ngày 03-9-1999 nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh L xác nhận vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa bị đơn thống nhất xử vắng mặt nguyên đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Th và anh Thạch L chung sống với nhau vào năm 1995 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Do đó không công nhận chị Nguyễn Thị Th và anh Thạch L là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về nuôi con chung:* Chị Th và anh L có 04 người con chung gồm: Thạch Tr, sinh năm 1996; Thạch Th, sinh ngày 03-9-1999; Thạch V, sinh ngày 26-01-2003 và Thạch T, sinh ngày 12-10-2004. Cháu Thạch Tr và cháu Thạch Th đã trưởng thành, còn cháu Thạch V và cháu Thạch T có nguyện vọng sống với cha. Chị Th và anh L thống nhất giao con chung tên Thạch V và Thạch T cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con vì anh có đủ điều kiện nuôi con nên Toà án không xem xét.

[4] *Về tài sản chung:* Chị Th và anh L xác nhận tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* Chị Th và anh L đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] *Về án phí:* Chị Th là nguyên đơn trong vụ án, do đó chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Thạch L.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Th và anh Thạch L về việc nuôi con chung là giao cháu Thạch V, sinh ngày 26-01-2003 và cháu Thạch T, sinh ngày 12-10-2004 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Thạch Tr, sinh năm 1996 và cháu Thạch Th, sinh ngày 03-9-1999 nay đã trưởng thành.

Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Th và anh L xác nhận tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Th và anh L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng nhưng chị Th được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009912 ngày 06-9-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Chị Th không phải nộp thêm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Quyền kháng cáo: Anh Thạch L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Xuân